|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  Số: /20../TT-BKHCN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  Hà Nội, ngày tháng năm 20.. |
| **Dự thảo 2** |  |

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều liên quan đến quản lý hoạt động vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ, perôxít hữu cơ (thuộc loại 5), các chất ăn mòn (thuộc loại 8) thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Nghị định số 65/2018/NĐ-CP và Nghị định số 42/2020/NĐ-CP của Chính phủ

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Hóa chất *ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

Căn cứ Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chínhphủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa họcvà Công nghệ;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lườngChất lượng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư *quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều liên quan đến quản lý hoạt động vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ, perôxít hữu cơ (thuộc loại 5), các chất ăn mòn (thuộc loại 8) thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Nghị định số 65/2018/NĐ-CP và Nghị định số 42/2020/NĐ-CP của Chính phủ.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định chi tiết và biện pháp thi hành thực hiện một số điều của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt (sau đây viết tắt là Nghị định số 65/2018/NĐ-CP) và Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa (sau dây viết tắt là Nghị định số 42/2020/NĐ-CP) thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến quản lý hoạt động vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ, perôxít hữu cơ (thuộc loại 5), các chất ăn mòn (thuộc loại 8) (sau đây viết tắt là hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8) được quy định tại:

a) Điểm đ, điểm h khoản 1 Điều 26 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP;

b) Điểm c khoản 2 Điều 39 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP, khoản 2 Điều 16 và Điều 22 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP.

2. Việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm phục vụ các mục đích sau không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này:

a) Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trong trường hợp đặc biệt quy định tại Điều 30 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP;

b) Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trong trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP.

3. Trường hợp Điều ước quốc tế liên quan đến vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, trên đường sắt và trên đường thủy nội địa mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên tham gia có quy định khác với Thông tư này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với:

a) Tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước (sau đây viết tắt là tổ chức, cá nhân) liên quan đến vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, trên đường sắt và trên đường thủy nội địa tại lãnh thổ Việt Nam;

b) Cơ quan quản lý nhà nước liên quan quản lý hoạt động vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, trên đường sắt, trên đường thủy nội địa tại lãnh thổ Việt Nam.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm là Giấy phép do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, trên đường sắt và trên đường thủy nội địa.

2. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, thẩm xét hồ sơ và cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8 bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa, trên đường sắt là Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây viết tắt là Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

3. Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ tại địa phương là Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ tỉnh Bạc Liêu.

4. Các thuật ngữ khác sử dụng trong Thông tư này được quy định tại Luật Hóa chất và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Hóa chất; quy định tại Nghị định số 65/2018/NĐ-CP và Nghị định số 42/2020/NĐ-CP.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU**

**NGHỊ ĐỊNH SỐ 65/2018/NĐ-CP THUỘC TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ**

**CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Điều 4. Quy định về xử lý hồ sơ cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm thuộc loại 5, loại 8 trên đường sắt**

1. Người thuê vận tải hàng nguy hiểm hoặc doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng nguy hiểm (được người thuê vận tải hàng nguy hiểm ủy quyền) lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 41 (đối với trường hợp cấp mới) hoặc theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP (đối với trường hợp cấp lại) và gửi về Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng theo các hình thức quy định tại điểm a khoản 2 Điều 41 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP.

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chát lượng thực hiện tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 41 Ngị định số 65/2018/NĐ-CP.

2. Mẫu Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo Mẫu số 01 hoặc Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 65/2018/NĐ-CP tương ứng với trường hợp cấp lần đầu hay cấp lại do Giấy phép chính bị mất, bị hư hỏng hoặc nội dung ghi trong Giấy phép bị mờ, không còn thể hiện đầy đủ nội dung.

3. Thời hạn hiệu lực của Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP.

**Điều 5. Quy định thực hiện việc kiểm tra điều kiện vận tải**

Đối với trường hợp thông tin trong hồ sơ khai báo sai hoặc hàng hóa nguy hiểm vận tải với số lượng lớn hoặc có tính nguy hại cao (được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 41 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP), Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tổ chức thực hiện kiểm tra điều kiện vận tải hàng hóa nguy hiểm của tổ chức, cá nhân theo quy định của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP trước khi cấp Giấp phép vận chuyển hàng nguy hiểm. Cụ thể, kiểm tra sự phù hợp giữa hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (người thuê vận tải hàng nguy hiểm hoặc doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng nguy hiểm (được người thuê vận tải hàng nguy hiểm ủy quyền)) nộp tại Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng với hồ sơ và điều kiện vận tải hàng hóa nguy hiểm thực tế của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.

Việc kiểm tra điều kiện vận tải hàng hóa nguy hiểm của tổ chức, cá nhân quy định tại Điều này được thực hiện theo hướng dẫn của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

**Chương III**

**QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU**

**NGHỊ ĐỊNH SỐ 42/2020/NĐ-CP THUỘC TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Điều 6. Quy định chi tiết về thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8**

***Phương án 1:***

Người vận tải hàng hóa nguy hiểm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm với thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 17 (đối với trường hợp đề nghị cấp mới) hoặc theo quy định tại khoản 4 Điều 17 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép hoặc Giáy phép bị mất, bị hỏng, bị thu hồi hoặc bị tước) Nghị định số 42/2020/NĐ-CP và nộp tại Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng theo một trong các hình thức được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP.

***Phương* án 2:**

I. Đối với trường hợp cấp mới

1. Người vận tải hàng hóa nguy hiểm làm Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Nghị định số 42/2020/NĐ-CP.

2. Thành phần hồ sơ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP áp dụng đối với từng loại hình doanh nghiệp đăng ký vận chuyển hàng hóa nguy hiểm tương ứng như sau:

a) Đối với vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

Thành phần hồ sơ là Bản sao Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, trong đó phải có loại hình vận tải hàng hóa bằng xe ô tô; hoặc Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp hoặc Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư (đối với tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng kinh doanh vận tải không thu tiền trực tiếp theo quy định của Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô được thay thế bởi Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô).

b) Đối với vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa

Thành phần hồ sơ là bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã.

3. Thành phần hồ sơ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP (áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển theo từng chuyến hàng), bao gồm:

a) Bản sao hoặc bản chính Bảng kê danh sách phương tiện tham gia vận chuyển;

b) Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện vận chuyển còn thời hạn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp tương ứng với phương tiện có tên trong Bảng kê danh sách phương tiện tham gia vận chuyển.

4. Thành phần hồ sơ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 17 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP:

a) Đối với vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, thành phần hồ sơ bao gồm:

a1) Bản sao hoặc bản chính Bảng kê danh sách người điều khiển phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bao gồm các thông tin sau: - Họ và tên người điều khiển phương tiện; - Số chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân của người điều khiển phương tiện, ngày cấp, nơi cấp;- Giấp phép lái xe.

a2) Bản sao hoặc bản chính Bảng kê danh sách người áp tải hàng hóa trong quá trình vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (nếu có) bao gồm các thông tin sau: - Họ và tên người áp tải; - Số chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân của người áp tải, ngày cấp, nơi cấp.

b) Đối với vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa, thành phần hồ sơ bao gồm:

b1) Bản sao hoặc bản chính Bảng kê danh sách người điều khiển phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bao gồm các thông tin sau: - Họ và tên người điều khiển phương tiện; - Số chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân của người điều khiển phương tiện, ngày cấp, nơi cấp.

b2) Bản sao hoặc bản chính Bảng kê danh sách thuyền viên, người áp tải hàng hóa trong quá trình vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (nếu có) bao gồm các thông tin sau: - Họ và tên người áp tải; - Số chứng minh nhân dân/số thẻcăn cước công dân của người áp tải, nơi cấp; - Họ và tên của thuyền viên; - Số chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân của thuyền viên, ngày cấp, nơi cấp.

b3) Bản sao Chứng chỉ chuyên môn đặc biệt còn thời hạn hiệu lực của người điều khiển phương tiện do cơ quan quản lý có thẩm quyền thuộc Bộ Giao thông vận tải cấp.

5. Thành phần hồ sơ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 17 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP:

a) Bản sao hoặc bản chính phương án tổ chức vận chuyển hàng hóa nguy hiểm có xác nhận của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm (ghi rõ họ, tên và chữ ký của Lãnh đạo đơn vị, đóng dấu (nếu có)), trong đó nêu rõ tuyến đường, lịch trình vận chuyển.

Phương án tổ chức vận chuyển hàng hóa nguy hiểm phải bao gồm các nội dung: - Địa điểm bắt đầu vận chuyển (địa điểm nhận hàng);- Thông tin về tuyến đường sẽ vận chuyển (các trục đường chính: quốc lộ, tỉnh lộ, tuyến phố khu đô thị..; các điểm trung chuyển, trạm dừng đỗ);- Địa điểm kết thúc quá trình vận chuyển (địa điểm giao hàng); - Dự kiến thời gian thực hiện vận chuyển kèm theo số biển kiểm soát của phương tiện thực hiện vận chuyển và tên cùng số lượng hàng hóa nguy hiểm vận chuyển trên phương tiện tương ứng.

b) Bản sao hoặc bản chính Biện pháp ứng cứu sự cố hóa chất trong vận chuyển hàng hóa nguy hiểm có xác nhận của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm (ghi rõ họ, tên và chữ ký của Lãnh đạo đơn vị, đóng dấu (nếu có)). Nội dung cơ bản của Biện pháp ứng cứu sự cố hóa chất trong quá trình vận chuyển được thực hiện theo quy định của pháp luật về hóa chất.

Biện pháp ứng cứu sự cố hóa chất trong vận chuyển hàng hóa nguy hiểm phải bao gồm (tối thiểu) các nội dung sau*:*

b1) Thông tin về tổ chức, cá nhân vận chuyển hàng hóa nguy hiểm: tên tổ chức, cá nhân; địa chỉ trụ sở; số điện thoại, Fax, email, website (nếu có)để liên hệ giao dịch; họ và tên người đại diện pháp luật, chức danh;

b2) Thông tin về hàng hóa nguy hiểm đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển: tên hàng hóa; số UN; số hiệu nguy hiểm; loại nhóm hàng nguy hiểm; mức đóng gói; phương tiện chứa; khối lượng vận chuyển/chuyến;

b3) Ngưỡng khối lượng tràn đổ, rò rỉ cần thực hiện báo cáo khẩn cấp;

b4) Lịch trình vận chuyển: địa điểm bắt đầu vận chuyển (địa điểm nhận hàng); thông tin về tuyến đường vận chuyển (các trục đường chính: quốc lộ, tỉnh lộ, tuyến phố khu đô thị..; các điểm trung chuyển, trạm dừng đỗ); địa điểm kết thúc quá trình vận chuyển (địa điểm giao hàng); dự kiến thời gian thực hiện vận chuyển kèm theo số biển kiểm soát của phương tiện thực hiện vận chuyển và tên cùng số lượng hàng hóa nguy hiểm vận chuyển trên phương tiện tương ứng;

b5) Đặc tính nguy hiểm của hàng hóa nguy hiểm khi vận chuyển và các biện pháp ứng cứu xử lý đối với từng đặc tính nguy hiểm của hàng hóa nguy hiểm: (i) Nguy hiểm về cháy; (ii) Nguy hiểm về nổ; (iii) Nguy hiểm về độc tố khi tiếp xúc, phát tán ra môi trường; (4i) Nguy hiểm về ăn mòn;

b6) Các tình huống điển hình và biện pháp xử lý: (i) Nêu các tình huống giả định có thể xảy ra (ví dụ như: cản trở giao thông do tắc nghẽn đường; trục trặc hoặc tai nạn phương tiện vận chuyển nhưng không ảnh hưởng đến phương tiện chứa; trục trặc hoặc tai nạn phương tiện vận chuyển có hư hỏng phương tiện chứa; cháy phương tiện vận chuyển; …); (ii) Nêu các hậu quả có thể xảy ra tương ứng với từng tình huống sự cố (ví dụ như: dẫn đến cháy, rò rỉ; gây rò rỉ, tràn đổ thoát ra các chất độc hại hoặc dễ cháy, nổ…gây thiệt hại về người, tài sản xung quanh; hỏng phương tiện chứa hoặc nổ phương tiện chứa nếu hàng vận chuyển có khả năng tăng áp suất do nhiệt, phát thải khí độc….gây thiệt hạn về người, tài sản; …); (iii) Nêu các hành động cần thực hiện để khắc phục tương ứng với từng tình huống (ví dụ như: cách ly, bảo vệ khu vực để tránh tiếp xúc; tham gia bảo vệ hiện trường và cung cấp thông tin phục vụ công tác điều tra sự cố; khắc phục hoặc thay phương tiện vận chuyển; thay người điều khiển phương tiện (nếu có thương vong do tai nạn); chủ động khắc phục hư hỏng nhỏ nếu đã có phương án, công cụ dự kiến cho các trường hợp này (bịt chỗ rò, khóa van…); đặt cảnh báo cách ly khu vực nguy hiểm theo chỉ dẫn (bán kính cách ly tùy theo đặc tính hàng vận chuyển); bảo vệ, ngăn chặn người xâm nhập khu vực cách ly, chờ trợ giúp của lực lượng cứu hộ…; sơ tán người trong khu vực nguy hiểm; áp dụng các biện pháp thu gom, tẩy sạch; gọi điện báo để xin trợ giúp; …; các số điện thoại khẩn cấp để trợ giúp (cứu hộ, cứu nạn, cấp cứu, …);

b7) Khả năng ứng cứu và tổ chức ứng cứu khi xảy ra sự cố: (i) Khả năng ứng cứu sự cố khẩn cấp: khả năng ứng cứu ban đầu tại hiện trường; khả năng hỗ trợ ứng cứu của người vận tải hoặc người gửi hàng; thiết bị, phương tiện huy động phục vụ ứng cứu; khả năng ứng cứu của lực lượng cứu nạn, cứu hộ; (ii) Tổ chức ứng cứu: phải có tổ chức/bộ phận nhân sự thực hiện; phải có các quy trình hoạt động (Quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin khẩn cấp; Quy trình xử lý sự cố); (iii) Các số Điện thoại liên lạc khẩn cấp (gồm cả số cố định và di động của cơ quan chịu trách nhiệm cứu nạn, cứu hộ; các Trung tâm cứu hộ giao thông; của các chuyên gia kỹ thuật hướng dẫn xử lý sự cố do người vận tải hoặc người gửi hàng chỉ định; trung tâm cấp cứu y tế hoặc các dịch vụ khác (chuyển hàng, vận chuyển…); số điện thoại của người vận tải hoặc người gửi hàng; số điện thoại của Sở Công Thương các tỉnh có hàng vận chuyển đi qua; …);

b8) Kế hoạch diễn tập: (i) Kỳ hạn thực hiện diễn tập (quý hoặc năm); (ii) Hình thức diễn tập (thảo luận, thực nghiệm hiện trường, phối hợp các hình thức thảo luận và thực nghiệm hiện trường, …); (iii) Các nội dung diễn tập, đánh giá kết quả.

6. Thành phần quy định tại điểm e khoản 1 Điều 17 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP:

a) Bản sao hoặc bản chính Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc Phiếu kết quả thử nghiệm, kết quả kiểm định đối với bao gói, thùng chứa hàng nguy hiểm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định danh mục hàng nguy hiểm hải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, trên đường sắt và đường thủy nội địa và các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoặc

b) Bản sao hoặc bản chính Bản khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia kèm Phản hồi tự động thông tin khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia (đối với hàng hóa nguy hiểm là hóa chất nhập khẩu thuộc đối tượng phải khai báo hóa chất nhập khẩu) kèm theo cam kết của tổ chức, cá nhân về việc sử dụng nguyên trạng bao bì, thùng chứa hàng nguy hiểm của lô hàng được nhập khẩu và chịu trách nhiệm về an toàn kỹ thuật đối với hàng nguy hiểm trong quá trình vận chuyển lô hàng hóa nguy hiểm nhập khẩu; hoặc

c) Bản sao hoặc bản chính Tờ khai hải quan đối với hóa chất nhập khẩu kèm thông tin xác nhận lô hàng được thông quan của cơ quan hải quan, Giấy phép nhập khẩu tiền chất công nghiệp theo quy định tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ (đối với hàng hóa nguy hiểm là hóa chất nhập khẩu không thuộc đối tượng phải khai báo hóa chất nhập khẩu) kèm theo giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn/phiếu kết quả thử nghiệm bao bì, thùng chứa hóa chất phù hợp tiêu chuẩn của tổ chức chứng nhận/tổ chức thử nghiệm tại nước ngoài và cam kết của tổ chức, cá nhân về việc sử dụng nguyên trạng bao bì, thùng chứa hàng nguy hiểm của lô hàng được nhập khẩu và chịu trách nhiệm về an toàn kỹ thuật đối với hàng nguy hiểm trong quá trình vận chuyển lô hàng hóa nguy hiểm nhập khẩu; hoặc

c) Bản sao hoặc bản chính Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc Phiếu kết quả thử nghiệm, kết quả kiểm định đối với vật liệu bao gói, thùng chứa hàng hóa nguy hiểm (theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương) của nhà sản xuất tương ứng với lô hàng hóa nguy hiểm đăng ký vận chuyển (đối với hàng hóa nguy hiểm là hóa chất sản xuất trong nước (bao gồm cả hoạt động san chiết, đóng gói)).

**Điều 7. Quy định việc xử lý hồ sơ và cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm**

1. Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP (đối với trường hợp cấp lần đầu) hoặc theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP (đối với trường hợp cấp lại) và theo hướng dẫn tại Thông tư này và nộp tại Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

Hình thức nộp hồ sơ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP.

2. Mẫu Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm thuộc loại 5, loại 8 bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, trên đường thủy nội địa theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Thời hạn hiệu lực của Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm thuộc loại 5, loại 8

3.1. Đối với trường hợp cấp mới

a) Đối với vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo từng chuyến hàng, hiệu lực của Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm chỉ có giá trị đối với chuyến hàng được vận chuyển theo Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm được cấp.

b) Đối với vận chuyển theo từng thời kỳ, hiệu lực của Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm có giá trị cho từng thời kỳ vận chuyển và không quá thời hạn hiệu lực còn lại của Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện vận chuyển nhưng không quá 24 tháng và không quá niên hạn sử dụng còn lại của phương tiện theo quy định pháp luật về giao thông vận tải.

3.2. Đối với trường hợp cấp lại: hiệu lực của Giấy phép được ghi theo thời hạn hiệu lực của Giấy phép đã cấp cho tổ chức, cá nhân.

**Điều 8. Quy định về nội dung tập huấn, thời gian tập huấn và tiêu chuẩn cán bộ tập huấn**

Nội dung tập huấn, thời gian tập huấn an toàn trong vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và tiêu chuẩn cán bộ tập huấn cho người điều khiển phương tiện, người tham gia vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (thủ kho, người xếp, dỡ hàng hóa nguy hiểm, người áp tải) thực hiện theo quy định của pháp luật về hóa chất và an toàn vệ sinh lao động. Cụ thể:

1. Nội dung huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong vận chuyển hàng hóa nguy hiểm gồm:

a) Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến vận chuyển hàng hóa nguy hiểm;

b) Tính chất nguy hiểm hàng hóa nguy hiểm cần vận chuyển; biểu trưng, báo hiệu nguy hiểm trên phương tiện chứa, vận chuyển;

c) Các loại bao bì, thùng chứa hàng hóa nguy hiểm cần vận chuyển: quy định về đóng gói hàng hóa nguy hiểm yêu cầu kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp của bao bì, thùng chứa hàng hóa nguy hiểm; ghi nhãn hàng hóa nguy hiểm;

d) Các biện pháp an toàn:

- Các quy định về an toàn trong xếp dỡ, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm;

- Các biện pháp, thủ tục cần phải thực hiện khi xảy ra tai nạn, sự cố trên đường vận chuyển (thông tin gọi cứu hộ, cứu nạn; cấp cứu tại chỗ; phòng ngừa va chạm, nguồn lửa, sử dụng các phương tiện cứu hộ, khắc phục sự cố cháy, nổ, lan tỏa độc hại…);

đ) Kế hoạch, biện pháp ứng cứu sự cố hóa chất trong vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.

2. Hình thức và thời gian huấn luyện

a) Hình thức huấn luyện:

- Huấn luyện lần đầu.

- Huấn luyện định kỳ: 02 năm.

- Huấn luyện lại: được thực hiện khi có thay đổi hàng hóa nguy hiểm được vận chuyển, khi người lao động nghỉ việc từ sáu tháng trở lên, hoặc khi kiểm tra không đạt yêu cầu.

b) Thời gian huấn luyện :

- Huấn luyện lần đầu: tối thiểu 16 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra.

- Huấn luyện định kỳ: bằng một nửa thời gian huấn luyện lần đầu.

- Huấn luyện lại: tối thiểu 12 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra.

c) Huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng hóa nguy hiểm có thể được tổ chức riêng hoặc kết hợp với các hoạt động huấn luyện an toàn khác được pháp luật quy định.

3. Đánh giá kết quả và lưu giữ hồ sơ huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng hóa nguy hiểm

3.1. Tổ chức, cá nhân vận chuyển hàng hóa nguy hiểm hoặc các tổ chức huấn luyện được tổ chức, cá nhân vận chuyển háng hóa nguy hiểm thuê huấn luyện chịu trách nhiệm kiểm tra để đánh giá kết quả huấn luyện.

3.2. Quy định về kiểm tra

a) Nội dung kiểm tra phải phù hợp với nội dung huấn luyện.

b) Bài kiểm tra đạt yêu cầu phải đạt điểm trung bình trở lên.

3.3. Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ khi kết thúc huấn luyện, tổ chức, cá nhân vận chuyển hoặc tổ chức huấn luyện ban hành quyết định công nhận kết quả huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng hóa nguy hiểm cho người tham gia vận chuyển hàng hóa nguy hiểm đã tham gia huấn luyện và đạt kết quả theo quy định về kiểm tra tại mục 3.2 của Điều này.

3.4. Hồ sơ huấn luyện kỹ thuật an toàn bao gồm:

a) Tài liệu huấn luyện;

b) Danh sách đối tượng huấn luyện với các thông tin và chữ ký xác nhận của người tham gia huấn luyện (họ và tên, ngày tháng năm sinh, vị trí tham gia trong hoạt động vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (xếp dỡ/điều khiển phương tiện/áp tải), đơn vị tổ chức huấn luyện hoặc người huấn luyện.

c) Thông tin về người huấn luyện bao gồm: Họ tên, ngày tháng năm sinh, trình độ học vấn, chuyên ngành được đào tạo, kinh nghiệm công tác;

d) Nội dung và kết quả kiểm tra huấn luyện kỹ thuật an toàn;

đ) Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện kỹ thuật an toàn.

3.5. Tổ chức, cá nhân vận chuyển hàng hóa nguy hiểm có trách nhiệm lưu giữ đầy đủ hồ sơ quy định tại mục 3.4 Điều này và xuất trình khi cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu.

3.6. Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng hóa nguy hiểm có giá trị trong thời hạn 02 (hai) năm.

4. Quy định đối với người huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng hóa nguy hiểm

Người huấn luyện phải có trình độ đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành huấn luyện và có ít nhất 5 năm kinh nghiệm công tác trong chuyên ngành đó.

**Điều 9. Quy định loại hàng hóa nguy hiểm phải có người áp tải và danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển**

Danh mục hàng hóa nguy hiểm phải có người áp tải trong quá trình vận chuyển và Danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển được thực hiện theo quy định của pháp luật về hóa chất, vận chuyển hàng hóa nguy hiểmvà được quy định như sau:

1. Đối với hàng hóa nguy hiểm có ngưỡng khối lượng tồn trữ lớn nhất tại một thời điểm trên phương tiện vận chuyển theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ, tổ chức, cá nhân vận chuyển hàng hóa nguy hiểm phải bố trí người áp tải trong quá trình vận chuyển hàng hóa nguy hiểm. Căn cứ vào yêu cầu quản lý, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố các Danh mục quy định tại Điều này.

2. Danh mục hàng hóa nguy hiểm phải được đóng gói trong quá trình vận chuyển thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định danh mục hàng công nghiệp nguy hiểm phải đóng gói trongquas trình vận chuyển và vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm bằng phương tiện giao thổng cơ giới đường bộ, trên đường sắt và đường thủy nội địa.

**Điều 10. Quy định về vật liệu dùng để làm bao bì, thùng chứa; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của bao bì tương ứng với từng loại hàng nguy hiểm**

1. Vật liệu dùng để làm bao bì, thùng chứa hàng hóa nguy hiểm phải đáp ứng các yêu cầu quy định khoản 3 Điều 5 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP và Điều 6 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP.

2. Đối với hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8 mà chưa có tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của quốc tế do Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Bộ Công Thương công bố.

**Điều 11. Quy trình làm sạch và nơi làm sạch sau khi kết thúc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm**

Việc làm sạch phương tiện sau khi vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, làm sạch sau khi đưa hết hàng hóa nguy hiểm ra khỏi kho, bãi được thực hiện theo quy trình quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 12. Trách nhiệm của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng**

1. Phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành về hóa chất thuộc Bộ Công Thương rà soát, xây dựng Danh mục hàng hóa nguy hiểm phải có người áp tải trong quá trình vận chuyển và Danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển trình Bộ Khoa học và Công nghệ công bố để tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện.

2. Phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành về hóa chất thuộc Bộ Công Thương rà soát, công bố tiêu chuẩn, quy chuẩn của quốc tế về bao bì, thùng chứa, đóng gói hàng hóa nguy hiểm áp dụng đối với loại 5, loại 8.

3. Ban hành văn bản kỹ thuật hướng dẫn về bao bì, thùng chứa, đóng gói hàng nguy hiểm loại 5, loại 8 chưa có tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; văn bản hướng dẫn về kiểm tra điều kiện vận tải hàng hóa nguy hiểm của tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 5 Thông tư này.

4. Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho bao bì, thùng chứa tương ứng với hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8 theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

5. Xây dựng chi tiết nội dung kỹ thuật cần tập huấn an toàn trong vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.

6. Cấp, cấp lại và thu hồi Giấp phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8.

7. Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, ban hành quy trình làm sạch và nơi làm sạch phương tiện sau khi vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; quy trình làm sạch sau khi đưa hết hàng hóa nguy hiểm ra khỏi kho, bãi.

8. Chủ trì, phối hợp với Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ tại địa phương thực hiện thanh tra, kiểm tra hoạt động vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8 của các tổ chức, cá nhân đã được Giấp phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.

**Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

1. Chỉ đạo Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ tại địa phương thực hiện các nội dung sau:

a) Phối hợp với Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trong công tác quản lý vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8 trên địa bàn;

b) Phối hợp với cơ quan thanh tra, kiểm tra thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ và Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trong việc thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm (nếu có) đối với hoạt động vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8 trên địa bàn theo thẩm quyền.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã thực hiện các nội dung công việc theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP và khoản 2 Điều 27 Nghị định số 42/2020/NĐ-CPkhi trên địa bàn quản lý có sự cố xảy ra trong quá trình vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 14. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày….tháng….. năm 20…..

2. Các quy định sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành

a) Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm là các chất ô xy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa;

b) Thông tư số 09/2018/TT-BKHCN ngày 01 tháng 7 năm 2018 của Bô trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09 tháng 6 năm 2016 quy định trình tự, thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm là các chất ô xy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

**Điều15. Điều khoản chuyển tiếp**

Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8 còn thời hạn hiệu lực được tiếp tục duy trì cho đến hết thời hạn hiệu lực ghi trên Giấp phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8 đã cấp.

Điều 16. **Trách nhiệm thi hành**

1. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ (thông qua Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện Thông tư này. Trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ươngvà tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận*:  - Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;  - UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Văn phòng Quốc hội;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Sở KH&CN các tỉnh, TP trực thuộc TW;  - Cục kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;  - Công báo VPCP;  - Cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN;  - Lưu: VT, TĐC, PC. | BỘ TRƯỞNG |